TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quới

2. Ông Lưu Văn Thảo

Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ A, thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: ông Hồ Duy K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ A, thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Mỹ N và ông Hồ Duy K là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 19/12/2016, tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ). Kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông K ăn chơi không lo cho vợ con, đến năm 2024 bà N phát hiện ông K ngoại tình với người khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Huỳnh Thị Mỹ N cương quyết yêu cầu ly hôn ông Hồ Duy K.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Hồ Gia B, sinh ngày 05/5/2017 và Hồ Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/10/2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hồ Duy K đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ N, cho bà Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn ông Hồ Duy K.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là Hồ Gia B và Hồ Huỳnh Gia H cho bà Huỳnh Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: bà Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy khai sinh con, bản sao Căn cước công dân, biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Hồ Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Mỹ N và ông Hồ Duy K kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã C, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 19/12/2016 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông K không có trách nhiệm với vợ con.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông K không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được ly hôn đối với ông K.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Hồ Gia B, sinh ngày 05/5/2017 và Hồ Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/10/2020. Xét thấy cháu Hồ Gia B có nguyện vọng sống với bà N và cháu Hồ Duy K đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ nên cần thiết phải giao cho mẹ là bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bà N không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn ông Hồ Duy K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Hồ Gia B, sinh ngày 05/5/2017 và Hồ Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/10/2020 cho bà Huỳnh Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi. Bà Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu ông Hồ Duy K phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Hồ Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà Huỳnh Thị Mỹ N cùng các thành viên gia đình không được ngăn cản ông Hồ Duy K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Mỹ N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002735 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/3/2026); đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND KV6;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Cẩm Nhung